

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt “Đề án phát triển, mở rộng diện tích
cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm tỉnh Nghệ An,
giai đoạn 2021-2030”**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ các Luật: Luật Trồng trọt năm 2018; Luật Đất đai năm 2013; Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật Thống kê năm 2015; Luật Hợp tác xã năm 2012; Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Đầu tư năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Ban hành kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX;

B

Căn cứ Thông báo số 385-TB/TU ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 3669/TTr.SNN-QLKTKHCN ngày 07/10/2021 về việc phê duyệt "Đề án phát triển, mở rộng diện tích cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021 - 2030".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Đề án phát triển, mở rộng diện tích cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021 - 2030" (sau đây gọi tắt là Đề án), gồm những nội dung chính như sau:

I. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm

- Phát huy tiềm năng về đất đai, hình thành các vùng sản xuất cây ăn quả có quy mô diện tích lớn gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; khai thác tiềm năng, sử dụng hiệu quả tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp - người dân từ trồng cây ăn quả - chế biến - bảo quản - tiêu thụ sản phẩm; sản xuất ra sản phẩm hàng hóa đủ tiêu chuẩn tham gia chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Ưu tiên thu hút đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất cây ăn quả; doanh nghiệp là nòng cốt tham gia chuỗi liên kết. Huy động mọi nguồn lực từ doanh nghiệp, người dân và nguồn ngân sách hỗ trợ; tập trung đầu tư vào nhóm "cây ăn quả ưu tiên phát triển" tạo bước "đột phá" trong phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Tạo bước chuyển biến mới trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đồng thời là nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Mở rộng, phát triển các vùng trồng cây ăn quả có chất lượng theo hướng sản xuất hàng hóa. Áp dụng khoa học kỹ thuật - công nghệ; đẩy mạnh liên kết theo chuỗi giá trị từ tổ chức sản xuất, bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ. Phát triển sản phẩm cây ăn quả hàng hóa có chất lượng đáp ứng thị trường nội địa và xuất khẩu; nâng cao giá trị sản xuất, giá trị gia tăng; góp phần thực hiện thành công Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025 diện tích cây ăn quả đạt 30.000 ha, đến năm 2030 đạt 50.000 ha. Sản lượng năm 2025 đạt khoảng 425.395 tấn; năm 2030 đạt khoảng 789.160 tấn.

- Giá trị sản xuất cây ăn quả đến năm 2025 đạt 4.500 - 5.000 tỷ đồng; đến năm 2030 đạt 8.500 - 9.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 12,5 - 13,5%/năm.

- Giá trị sản xuất trên 1,0 ha cây ăn quả năm 2025 đạt 140 - 160 triệu đồng; năm 2030 đạt 180 - 220 triệu đồng (áp dụng quy trình sản xuất được chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP đạt 300 - 500 triệu đồng/ha).

- Thu hút đầu tư ít nhất 03 cơ sở chế biến quy mô công suất 200.000 - 250.000 tấn/năm. Tổng công suất chế biến đến năm 2030 đạt 300.000 - 350.000 tấn/năm (chiếm 40 - 45% sản lượng quả).

- Diện tích cây ăn quả được công nhận chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP năm 2025 đạt khoảng 2.000 ha; năm 2030 đạt khoảng 10.000 ha (chiếm 20% tổng diện tích cây ăn quả).

- Hình thành và phát triển các sản phẩm hàng hóa từ trái cây để xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 80 - 100 triệu USD vào năm 2030.

- Giải quyết việc làm thường xuyên cho trên 50.000 lao động.

II. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Nhiệm vụ

a) Mở rộng diện tích trồng cây ăn quả

- Giai đoạn 2021 - 2030 mở rộng diện tích trồng cây ăn quả đảm bảo đến năm 2030 đạt 50.000 ha, diện tích mở rộng khoảng 27.198 ha, trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp khoảng 12.347 ha (Đất trồng lúa kém hiệu quả, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm); Đất lâm nghiệp khoảng 14.851 ha (rà soát, chuyển đổi mục đích sử dụng gồm: Đất rừng sản xuất hiện trạng là rừng trồng, đất chưa trồng rừng và đối tượng phù hợp theo hình thức chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc nông lâm kết hợp sử dụng 30% diện tích cho phép theo quy định pháp luật). Dự kiến giai đoạn 2021 - 2025 mở rộng khoảng 7.198 ha, tập trung vào diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất rừng trồng sản xuất.

- Mở rộng diện tích cây ăn quả phân theo 3 nhóm: Nhóm cây ăn quả ưu tiên phát triển (nhóm chủ lực); nhóm cây ăn quả có ưu thế đối với một số địa phương trong tỉnh; nhóm cây ăn quả cơ bản ổn định diện tích, cụ thể như sau:

B

+ Nhóm cây ăn quả ưu tiên phát triển (nhóm chủ lực): 21.082 ha, trong đó cây ăn quả có múi (cam, chanh, bưởi, quýt) 8.588 ha; cây ăn quả phát triển mở rộng gắn với công nghiệp chế biến (dứa, chuối) 12.494 ha.

+ Nhóm cây ăn quả có ưu thế đối với một số địa phương trong tỉnh (mít, ổi, na, xoài, mận Tam hoa): 4.000 ha.

+ Nhóm cây ăn quả cơ bản ổn định diện tích (bơ, chanh leo, nhãn, vải, táo, thanh long,... và các cây còn lại): 2.116 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

b) Phát triển nâng cao năng suất, sản lượng cây ăn quả

Năm 2020 diện tích cây ăn quả toàn tỉnh là 22.802 ha, diện tích cho sản phẩm 18.597 ha, năng suất trung bình 140 tạ/ha, sản lượng đạt 260.695 tấn. Kế hoạch năm 2025 tổng diện tích đạt 30.000 ha, diện tích cho sản phẩm 24.400 ha năng suất trung bình đạt 174 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 425.395 tấn; mục tiêu đến năm 2030 diện tích 50.000 ha, diện tích cho sản phẩm 40.015 ha năng suất trung bình đạt 197 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 789.160 tấn, các nhóm như sau:

- Nhóm cây ăn quả ưu tiên phát triển: Năm 2020 diện tích 15.418 ha, diện tích cho sản phẩm 12.582 ha, năng suất trung bình 168 tạ/ha, sản lượng đạt 216.406 tấn. Kế hoạch năm 2025 diện tích 21.600 ha, diện tích cho sản phẩm 17.300 ha, năng suất trung bình 204 tạ/ha, sản lượng 352.134 tấn; mục tiêu đến năm 2030 diện tích 36.500 ha, diện tích cho sản phẩm 28.820 ha, năng suất trung bình 228 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 656.704 tấn.

- Nhóm cây ăn quả có ưu thế đối với một số địa phương trong tỉnh: Năm 2020 diện tích 3.450 ha, diện tích cho sản phẩm 2.339 ha, năng suất trung bình 86 tạ/ha, sản lượng đạt 20.176 tấn. Kế hoạch năm 2025 diện tích 4.370 ha, diện tích cho sản phẩm 3.478 ha, năng suất trung bình 116 tạ/ha, sản lượng 40.379 tấn; mục tiêu đến năm 2030 diện tích 7.450 ha, diện tích cho sản phẩm 5.979 ha, năng suất trung bình 131 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 78.218 tấn.

- Nhóm cây ăn quả cơ bản ổn định diện tích: Năm 2020 diện tích 3.934 ha, diện tích cho sản phẩm 3.406 ha, năng suất trung bình 71 tạ/ha, sản lượng đạt 24.112 tấn. Kế hoạch năm 2025 diện tích 4.030 ha, diện tích cho sản phẩm 3.622 ha, năng suất trung bình 91 tạ/ha, sản lượng đạt 32.882 tấn; mục tiêu đến năm 2030 diện tích 6.050 ha, diện tích cho sản phẩm 5.216 ha, năng suất trung bình 104 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 54.238 tấn.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

c) Phát triển giống cây ăn quả

- Cải tạo, nâng cấp các cơ sở sản xuất giống cây ăn quả hiện có (Trung tâm giống cây ăn quả Phù Quý, Hợp tác xã nông nghiệp cây ăn quả 1/5 Nghĩa Đàn,...).

B

- Đầu tư xây dựng cơ sở, trang thiết bị phục vụ nhân giống, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào phục vụ sản xuất, nghiên cứu, chọn tạo du nhập, sản xuất, chuyển giao các giống cây ăn quả có năng suất và chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng diện tích cây ăn quả.

- Tập trung công tác tuyển chọn, chọn lọc siêu nguyên chủng, giống gốc, giống bố mẹ, công nhận vườn cây đầu dòng, cây đầu dòng; hỗ trợ mua cây giống đáp ứng yêu cầu phát triển diện tích cây ăn quả. Đối với nhóm cây ăn quả có múi và nhóm cây có lợi thế ở một số địa phương tập trung chọn lọc, bảo vệ các cây đầu dòng để lai tạo và nhân giống bằng hình thức chiết, ghép. Đối với nhóm cây ăn quả phát triển gần với chế biến (dứa, chuối) liên kết với các cơ sở sản xuất giống phát triển nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô.

- Nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ và đẩy mạnh hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giống đảm bảo kiểm soát được giống cây ăn quả đáp ứng yêu cầu sản xuất.

d) Phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sản phẩm

- Phát huy hiệu quả các cơ sở chế biến hiện có như: Nhà máy sản xuất nước tinh khiết, thảo dược và hoa quả Núi Tiên của Tập đoàn Công nghiệp Thực phẩm TH (Nghĩa Đàn); Nhà máy chế biến nước hoa quả Quỳnh Châu (Quỳnh Lưu) và các cơ sở chế biến hiện có trên địa bàn.

- Khuyến khích các cơ sở chế biến, bảo quản trái cây trên địa bàn tiếp tục đầu tư công nghệ, dây chuyền sản xuất đáp ứng yêu cầu về chất lượng, mẫu mã sản phẩm.

- Thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi xây dựng: Nhà máy chế biến Chanh Thiên Nhân (Nam Đàn), của Công ty Sao Thái Dương và Hợp tác xã Nông nghiệp công nghệ cao sản xuất và Chế biến chanh Nam Kim; các nhà máy bảo quản hoa quả và xuất khẩu tại các huyện: Tân Kỳ, Quỳnh Lưu, Yên Thành, Đô Lương, Quỳnh Hợp, Anh Sơn, Thanh Chương, có quy mô và công suất đủ để đáp ứng lượng nguyên liệu trái cây sản xuất trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

d) Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Triển khai thống kê, phân tích thị trường, nhu cầu tiêu thụ; xây dựng kế hoạch phát triển thị trường theo các phân khúc: Thị trường nội tỉnh, thị trường vùng Bắc Trung Bộ, thị trường trong nước và thị trường các nước, khu vực...

- Tổ chức, triển khai các hoạt động dịch vụ, thương mại, hội chợ, triển lãm, lập trang Website giới thiệu và quảng bá sản phẩm; đào tạo, tập huấn phát triển nhân lực về Marketing, hỗ trợ dán tem truy xuất nguồn gốc, công nhận nhãn hiệu, thương hiệu các loại sản phẩm cây ăn quả.

- Xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm, liên kết giữa các cơ sở sản xuất với các trung tâm siêu thị, nhà hàng, khách sạn tạo nên chuỗi liên kết bền vững. Đẩy mạnh sản phẩm cây ăn quả giao dịch trên các nền tảng thương mại điện tử.

e) Xác định các nhiệm vụ, mô hình, dự án ưu tiên.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

2. Giải pháp

a) Hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Trung ương và các chính sách hiện có của tỉnh.

- Xây dựng các chính sách theo quy định mới của Trung ương và của tỉnh, đồng thời điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND tỉnh và các chính sách khác có liên quan để phát triển, mở rộng diện tích cây ăn quả gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

b) Tăng cường công tác chỉ đạo, thông tin, tuyên truyền

- Tổ chức triển khai Đề án/Kế hoạch mở rộng, phát triển cây ăn quả sâu rộng đến tận cơ sở, các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh. Huy động cả hệ thống chính trị tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch về phát triển mở rộng diện tích cây ăn quả tại từng địa phương cũng như toàn tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại về phát triển sản xuất cây ăn quả theo hướng liên kết, tạo ra sản phẩm hàng hóa.

c) Khai thác sử dụng đất phục vụ phát triển cây ăn quả

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung, tích hợp vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất các địa phương đảm bảo diện tích phát triển cây ăn quả giai đoạn 2021 - 2030.

- Xác định diện tích đất đủ điều kiện để mở rộng diện tích cây ăn quả theo quy định. Trong đó tập trung khai thác diện tích đất rừng trồng sản xuất được chuyển đổi mục đích trong quá trình thực hiện quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; diện tích đất trồng lúa cao cường, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm kém hiệu quả có khả năng phát triển cây ăn quả.

- Xây dựng, thu hút các dự án đầu tư phát triển cây ăn quả, thực hiện tốt công tác thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng của các tổ chức, cá nhân kịp thời, đúng quy định để phục vụ phát triển cây ăn quả.

d) Đầu tư phát triển giống cây ăn quả

- Thu hút doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư các cơ sở sản xuất giống đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng phục vụ công tác trồng mới, trồng thay thế phát triển, mở rộng diện tích cây ăn quả trên địa bàn tỉnh. Cải tạo, nâng cấp các cơ sở sản xuất giống hiện có. Đẩy mạnh công tác tuyển chọn, công nhận vườn cây đầu dòng, cây đầu dòng; hỗ trợ mua cây giống để bổ sung, phát triển mở rộng diện tích, nâng cao chất lượng vườn cây ăn quả.

- Đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các Viện, Trung tâm trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm nghiên cứu, chọn tạo phục tráng, du nhập, nhân các giống cây ăn quả có năng suất và chất lượng phù hợp với điều kiện của tỉnh Nghệ An.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống nhằm đảm bảo chất lượng cây giống đáp ứng yêu cầu về mặt tiêu chuẩn theo quy định phục vụ cho hoạt động sản xuất, mở rộng, phát triển cây ăn quả.

đ) Áp dụng khoa học kỹ thuật - công nghệ, tổ chức sản xuất

- Áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong tất cả các khâu của hoạt động tổ chức sản xuất cây ăn quả tạo thành chuỗi khép kín từ khâu giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, chế biến, tiêu thụ. Từng bước chuyển đổi số nâng cao hiệu quả sản xuất cây ăn quả.

- Hoàn thiện quy trình canh tác tiên tiến nhằm khắc phục và hạn chế tính thời vụ, cải tạo và nâng cao chất lượng vườn cây. Xây dựng quy trình kỹ thuật cải tạo đất từ đất trồng rừng sản xuất, đất vườn tạp... chuyển sang phát triển trồng cây ăn quả đảm bảo hiệu quả, phát triển bền vững. Đẩy mạnh áp dụng quy trình sản xuất thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn tương đương).

- Đẩy mạnh cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói nông sản, chứng nhận nông sản an toàn phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

e) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bảo quản, chế biến

- Đầu tư nâng cấp, làm mới các công trình giao thông, thủy lợi, điện đáp ứng việc phát triển, mở rộng diện tích cây ăn quả và công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả.

- Cải tạo, nâng cấp các cơ sở sản xuất giống hiện có; đầu tư dự án sản xuất giống cây ăn quả đáp ứng nhu cầu về giống đảm bảo tiêu chuẩn cho việc trồng mới mở rộng diện tích.

- Thu hút đầu tư ít nhất 03 cơ sở chế biến, bảo quản với thiết bị, công nghệ hiện đại trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích các địa phương xây dựng hệ thống chợ đầu mối, gian hàng giới thiệu sản phẩm, chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả trên địa bàn tỉnh và các thị trường tiềm năng.

f) Xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, doanh nghiệp tham gia liên kết theo chuỗi; đẩy mạnh công tác xây dựng, bảo vệ nhãn hiệu sản phẩm. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, triển lãm; xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Tập trung sản xuất các sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn quy định để đưa vào tiêu thụ trong hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại. Xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả; đẩy mạnh giao dịch trên các nền tảng thương mại điện tử.

- Nghiên cứu, dự báo, cập nhật thông tin về chính sách thương mại quốc tế; tăng cường xúc tiến thương mại; đẩy mạnh việc cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm...

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát quy trình sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm đảm bảo an toàn; quản lý chất lượng sản phẩm theo chuỗi giá trị, áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ để đạt các tiêu chuẩn ISO, VietGAP, GlobalGAP... Nâng cao chất lượng sản phẩm từ cây ăn quả đảm bảo an toàn thực phẩm trong tất cả các công đoạn từ sản xuất đến tiêu thụ đảm bảo sức khỏe, quyền lợi người tiêu dùng.

g) Phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên kết sản xuất

Trên cơ sở định hướng các vùng sản xuất cây ăn quả, đẩy mạnh liên kết sản xuất; hướng dẫn nông dân thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại. Tập trung công tác đào tạo, nâng cao năng lực quản trị, quản lý, khoa học kỹ thuật, thị trường cho cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại. Tạo điều kiện thuận lợi, có chính sách hỗ trợ kịp thời để xây dựng các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại phát triển sản xuất hiệu quả.

h) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về sản xuất cây ăn quả cho cán bộ nông nghiệp phục vụ công tác chỉ đạo phát triển sản xuất cây ăn quả.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về khoa học kỹ thuật, công nghệ cho các hộ nông dân điển hình, các chủ trang trại, cán bộ hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất cây ăn quả.

- Tổ chức đào tạo dạy nghề cho con em nông dân; có chính sách thu hút lực lượng lao động có trình độ chuyên môn về cơ sở.

III. Khái toán kinh phí ngân sách hỗ trợ thực hiện Đề án

1. Tổng kinh phí ngân sách hỗ trợ

Tổng kinh phí ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2030 dự kiến khoảng 470.890 triệu đồng (*bốn trăm bảy mươi tỷ, tám trăm chín mươi triệu đồng*), tương ứng 4 - 5% giá trị sản xuất cây ăn quả, trong đó:

- Hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất: 337.190 triệu đồng, chiếm 71,6%;

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản, sơ chế, đóng gói sản phẩm cây ăn quả: 120.000 triệu đồng, chiếm 25,5%;

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm, thị trường tiêu thụ: 11.000 triệu đồng, chiếm 2,3%;

- Công tác khác: 2.700 triệu đồng, chiếm 0,6%.

2. Dự kiến nguồn kinh phí hỗ trợ

- Nguồn từ chính sách hỗ trợ về phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh khoảng 261.136 triệu đồng, chiếm khoảng 55,45%.

- Nguồn ngân sách khác của tỉnh khoảng 85.454 triệu đồng, chiếm khoảng 18,15%.

- Nguồn hỗ trợ theo chính sách từ ngân sách Trung ương thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách hỗ trợ phát triển (các Chương trình: Xây dựng nông thôn mới, Khuyến nông, Khuyến công; Chính sách hỗ trợ, đầu tư theo: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ...) khoảng 124.300 triệu đồng, chiếm 26,40%.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các Sở, ngành

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án.

- Thực hiện lồng ghép hoặc tham mưu UBND tỉnh lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án liên quan do Sở chủ trì và quản lý.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm và cả giai đoạn và tham

mưu đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Đề án phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất, triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng các mô hình chuyển đổi từ đất trồng rừng sản xuất, đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả, mô hình ứng dụng khoa học công nghệ, cải tạo nâng cao chất lượng vườn cây; các nhiệm vụ nghiên cứu, chọn tạo các giống cây ăn quả có năng suất và chất lượng; rà soát, bổ sung, xây dựng ban hành quy trình canh tác, định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất cây ăn quả.

- Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và kế hoạch thực hiện Đề án để xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung dự toán kinh phí thực hiện đề xuất Sở Tài chính tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở ngành, địa phương tham mưu tích hợp nội dung Đề án vào Quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để chỉ đạo thực hiện; tham mưu danh mục các dự án khuyến khích đầu tư phát triển cây ăn quả.

- Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và quy định của Luật Đầu tư công.

- Phối hợp với các Sở ngành, địa phương liên quan kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư nhằm thực hiện Đề án hiệu quả.

c) Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cây ăn quả;

- Chủ trì tham mưu bố trí nguồn ngân sách để thực hiện có hiệu quả Đề án.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định;

- Tham mưu UBND tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển quyền sử dụng đất và các chính sách về đất đai tạo điều kiện tích tụ đất đai để phát triển sản xuất cây ăn quả.

d) Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, địa phương đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ;

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm. Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu (chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, nhãn mác...) đối với cây ăn quả Nghệ An.

e) Sở Công Thương

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu các chính sách hỗ trợ và thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sản phẩm.

- Chủ trì xây dựng các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thương hiệu sản phẩm cây ăn quả chính của Nghệ An.

f) Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

Phối hợp với Sở, ngành các địa phương, cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư phát triển sản xuất cây ăn quả gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả.

g) Các Sở, ngành khác có liên quan

- Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong tổ chức thực hiện Đề án;

- Tham mưu UBND tỉnh về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngành quản lý; giải quyết các vướng mắc để thực hiện Đề án hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị xã

- Tham mưu cho cấp ủy cùng cấp ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển cây ăn quả trên địa bàn các huyện, thành, thị xã. Đưa các nội dung của Đề án vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch cụ thể để phát triển cây ăn quả trên địa bàn.

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các vùng sản xuất, mô hình, dự án, chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm cây ăn quả tại địa phương.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất phục vụ việc mở rộng, phát triển cây ăn quả.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch phát triển diện tích cây ăn quả đăng ký về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt làm căn cứ tổ chức triển khai và bố trí nguồn ngân sách hỗ trợ.

3. Chỉ đạo, kiểm tra thực hiện Đề án

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án và các tổ công tác theo yêu cầu của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án phù hợp, hiệu quả.

- Hàng năm các Sở, ngành, địa phương báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án trong năm và xây dựng kế hoạch của năm tiếp theo gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / B

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy;
- PCVP (KT) UBND tỉnh;
- Phòng NN VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học Công báo;
- Lưu: VT, NN (DH). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

Phụ lục I: Mở rộng diện tích cây ăn quả tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030
 (Kèm theo Quyết định số: 3826 /QĐ-UBND ngày 4/10/2021 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Diện tích mở rộng (ha)	Trên các loại đất (ha)			
			Lúa khác	Cây hàng năm khác	Cây lâu năm	Rừng sản xuất
I	Phân theo nhóm cây ăn quả	27.198	412	3.365	8.570	14.851
1	Nhóm cây ưu tiên phát triển (nhóm chủ lực)	21.082	382	2.824	5.799	12.077
-	Cây ăn quả có múi	8.588	342	793	3.132	4.321
-	Cây ăn quả phát triển mở rộng gắn với công nghiệp chế biến	12.494	40	2.031	2.667	7.756
2	Nhóm có ưu thế đối với một số địa phương	4.000	26	443	1.872	1.659
3	Nhóm cơ bản ổn định diện tích	2.116	4	98	899	1.115
II	Phân theo địa phương/ tiến độ	27.198	412	3.365	8.570	14.851
A	Kế hoạch 2021-2025 các địa phương	7.198	103	1.037	2.147	3.911
1	Thành phố Vinh	-	-	-	-	-
2	Thị xã Cửa Lò	4	-	-	4	-
3	Diễn Châu	289	-	136	145	8
4	Yên Thành	720	-	100	300	320
5	Quỳnh Lưu	1.160	-	125	415	620
6	Thị xã Hoàng Mai	151	-	25	50	76
7	Nghi Lộc	221	40	40	80	61
8	Hung Nguyên	164	35	16	105	8
9	Nam Đàn	156	0	30	106	20
10	Đô Lương	344	25	40	155	124
11	Thanh Chương	213	1	40	112	60
12	Anh Sơn	304	2	50	72	180
13	Nghĩa Đàn	661	-	51	100	510
14	Thái Hòa	184	-	15	64	105
15	Tân Kỳ	1.092	-	192	100	800
16	Quỳ Hợp	716	-	76	40	600

TT	Nội dung	Diện tích mở rộng (ha)	Trên các loại đất (ha)			
			Lúa khác	Cây hàng năm khác	Cây lâu năm	Rừng sản xuất
17	Quỳ Châu	106	-	-	21	85
18	Quế Phong	156	-	1	25	130
19	Con Cuông	172	-	35	30	107
20	Tương Dương	225	-	56	162	7
21	Kỳ Sơn	160	-	9	61	90
B	Kế hoạch 2026-2030 các địa phương	20.000	309	2.328	6.423	10.940
1	Thành phố Vinh	9	-	-	9	-
2	Thị xã Cửa Lò	14	-	-	14	-
3	Diễn Châu	431	-	210	221	-
4	Yên Thành	2.276	-	150	1.032	1.094
5	Quỳnh Lưu	1.411	-	140	516	755
6	Thị xã Hoàng Mai	258	-	40	78	140
7	Nghi Lộc	749	128	121	255	245
8	Hung Nguyên	332	75	24	213	20
9	Nam Đàn	880	-	149	643	88
10	Đô Lương	1.571	106	183	728	554
11	Thanh Chương	1.489	-	261	815	413
12	Anh Sơn	1.336	-	163	344	829
13	Nghĩa Đàn	2.518	-	129	412	1.977
14	Thị xã Thái Hòa	362	-	-	133	229
15	Tân Kỳ	2.791	-	383	152	2.256
16	Quỳ Hợp	946	-	223	169	554
17	Quỳ Châu	406	-	-	78	328
18	Quế Phong	482	-	-	48	434
19	Con Cuông	1.003	-	50	104	849
20	Tương Dương	462	-	102	350	10
21	Kỳ Sơn	274	-	-	109	165

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

**Phụ lục II: Diện tích, năng suất, sản lượng cây ăn quả tỉnh Nghệ An
giai đoạn 2021-2030**

(Kèm theo Quyết định số: 3826 /QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục	ĐVT	Hiện trạng 2020	Kế hoạch 2025	Mục tiêu 2030
	Tổng diện tích cây ăn quả	Ha	22.802	30.000	50.000
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	18.597	24.400	40.015
	Năng suất trung bình	Tạ/ha	140	174	197
	Tổng sản lượng	Tấn	260.695	425.395	789.160
I	Nhóm cây ăn quả ưu tiên phát triển (nhóm chủ lực)	Ha	15.418	21.600	36.500
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	12.852	17.300	28.820
-	Năng suất trung bình	Tạ/ha	168	204	228
-	Sản lượng	Tấn	216.406	352.134	656.704
a	Cây ăn quả có múi	Ha	9.912	12.100	18.500
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	8.035	9.462	14.249
-	Năng suất trung bình	Tạ/ha	137	152	165
-	Sản lượng	Tấn	110.378	144.173	234.403
1	Cây Cam	Ha	4.735	6.100	8.645
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	3.804	4.897	6.810
-	Năng suất	Tạ/ha	156	163	181
-	Sản lượng	Tấn	59.320	79.957	122.965
2	Cây Quýt	Ha	1.524	1.350	2.155
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.199	1.067	1.728
-	Năng suất	Tạ/ha	132	142	157
-	Sản lượng	Tấn	15.796	15.156	27.187
3	Chanh	Ha	2.036	2.550	3.900
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.868	1.940	2.965
-	Năng suất	Tạ/ha	118	138	145
-	Sản lượng	Tấn	22.084	26.705	43.075
4	Cây Bưởi	Ha	1.612	2.100	3.800
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.161	1.556	2.746
-	Năng suất	Tạ/ha	113	144	150
-	Sản lượng	Tấn	13.113	22.357	41.177
b	Cây ăn quả phát triển mở rộng gắn với công nghiệp chế biến	Ha	5.506	9.500	18.000
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	4.817	7.838	14.571
-	Năng suất trung bình	Tạ/ha	220	265	290
-	Sản lượng	Tấn	106.029	207.960	422.300
1	Cây Dứa	Ha	1.374	5.000	13.000
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.040	3.750	10.000
-	Năng suất	Tạ/ha	260	291	300
-	Sản lượng	Tấn	27.005	109.048	300.325
2	Cây Chuối	Ha	4.132	4.500	5.000

TT	Hạng mục	ĐVT	Hiện trạng 2020	Kế hoạch 2025	Mục tiêu 2030
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	3.777	4.088	4.571
-	Năng suất	Tạ/ha	209	242	267
-	Sản lượng	Tấn	79.023	98.912	121.976
II	Nhóm cây ăn quả có ưu thế đối với một số địa phương	Ha	3.450	4.370	7.450
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	2.339	3.478	5.979
	Năng suất trung bình	Tạ/ha	86	116	131
	Sản lượng	Tấn	20.176	40.379	78.218
1	Cây Mít	Ha	1.081	1.300	2.700
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	607	1.040	2.162
-	Năng suất	Tạ/ha	92	128	143
-	Sản lượng	Tấn	5.596	13.309	30.968
2	Cây Ổi	Ha	1.053	1.350	2.200
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	659	1.082	1.753
-	Năng suất	Tạ/ha	101	128	142
-	Sản lượng	Tấn	6.633	13.871	24.930
3	Cây Na	Ha	460	670	1.250
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	385	555	1.026
-	Năng suất	Tạ/ha	68	94	113
-	Sản lượng	Tấn	2.633	5.198	11.575
4	Cây Xoài	Ha	800	900	1.000
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	634	680	800
-	Năng suất	Tạ/ha	78	105	110
-	Sản lượng	Tấn	4.974	7.160	8.822
5	Cây Mận	Ha	57	150	300
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	55	120	240
-	Năng suất	Tạ/ha	62	70	80
-	Sản lượng	Tấn	340	841	1.924
III	Nhóm cây cơ bản ổn định diện tích (bơ, chanh leo, nhãn, vải, táo, thanh long,... và các cây ăn quả còn lại)	Ha	3.934	4.030	6.050
-	Diện tích cho sản phẩm	Ha	3.406	3.622	5.216
-	Năng suất trung bình	Tạ/ha	71	91	104
-	Sản lượng	Tấn	24.112	32.882	54.238

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

TT	Nội dung	Địa điểm	ĐVT	Khối lượng
3	Xây dựng nhà máy bảo quản và chế biến sản phẩm cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	Trên địa bàn tỉnh	Nhà máy	4
III	Xây dựng thương hiệu sản phẩm, thị trường tiêu thụ sản phẩm			
1	Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.	Toàn tỉnh	Lớp	40
2	Xây dựng kênh tiêu thụ sản phẩm: Mỗi huyện, thành, thị xã 01 kênh tiêu thụ.	Toàn tỉnh	Kênh	20
3	Xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu cho các loại cây ăn quả chính.	Toàn tỉnh	Nhãn hiệu	11
4	Xây dựng sản phẩm cây ăn quả đạt tiêu chuẩn OCOP (mỗi huyện lựa chọn 03 sản phẩm).	Toàn tỉnh	Sản phẩm	57
5	Tổ chức Hội chợ giới thiệu quảng bá, tiếp thị sản phẩm cây ăn quả tỉnh Nghệ An (2 năm tổ chức 01 lần).	Nghệ An	Cuộc	5
IV	Tham quan học tập; xây dựng; sơ kết, đánh giá, tổng kết thực hiện Đề án	Nghệ An	Nhiệm vụ	1
1	Tham quan, học tập về phát triển sản xuất cây ăn quả.	Ngoại tỉnh	Cuộc	1
2	Sơ kết, tổng kết Đề án.	Nghệ An	Cuộc	2

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN